

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

Số 44/4 -QĐ/HVCTQGHCM

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2025
của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

- Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 59/2026/TT-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt và tổng hợp quyết toán;
- Căn cứ Công văn số 1416-CV/HVCTQG ngày 03/7/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước, báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025;
- Căn cứ Công văn số 1476-CV/HVCTQG ngày 11/7/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách năm 2025.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm: quyết toán chi ngân sách nhà nước, chi viện trợ Lào; nguồn vốn ODA; nguồn vốn đầu tư công) của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Công nghệ và chuyển đổi số và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. 2

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (Vụ I);
- Các đơn vị dự toán cấp III;
- Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số;
- Lưu văn thư, VKHTC.



GIÁM ĐỐC

Đoàn Minh Huân

Lê Thị Thu lethithu@hcma.vn lethithu 13/08/2026 12:58:43



Lê Thị Thu lethithu@hcma.vn lethithu 13/08/2026 12:58:43

Đơn vị: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Chương: 049

Mẫu biểu số 76
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 26/2026/TT-BTC)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số **4414** -QĐ/HVCTQG HCM ngày **24/7**/2026
 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.670.609	1.670.609	-
I	Nguồn Ngân sách trong nước	1.666.496	1.666.496	
1	Chi đào tạo Đại Học (Loại 070 -081)	325.215	325.215	-
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	149.619	149.619	
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	175.596	175.596	
2	Chi đào tạo Sau đại học (Loại 070-082)	11.364	11.364	
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.364	11.364	
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	
3	Chi đào tạo khác trong nước (Loại 070 - 083)	960.109	960.109	-
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	586.206	586.206	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	373.903	373.903	
4	Chi đào tạo lại cán bộ (Loại 070-085)	13.498	13.498	-
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	13.498	13.498	
5	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (loại 100-102, 100-103)	257.510	257.510	-
5.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	
5.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.261	1.261	
5.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	256.249	256.249	
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250-278)	6.299	6.299	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.299	6.299	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
7	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	2.887	2.887	-
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.887	2.887	
8	Chi hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam (Loại 340-351)	32.734	32.734	-
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	20.470	20.470	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12.264	12.264	
9	Chi viện trợ (Loại 400-402)	56.432	56.432	-
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	56.432	56.432	
10	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin đối ngoại (Loại 160-171)	450	450	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	450	450	
II	Nguồn vốn viện trợ	4.112	4.112	
1	Chi đào tạo khác trong nước (Loại 070 - 083)	4.112	4.112	
	Phi Dự án: Tăng cường nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam" và ký thỏa thuận với Ủy ban Quyền con người Ô-xtrây-li-a	4.112	4.112	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
C	Nguồn kinh phí hoạt động sự nghiệp (Nguồn chi quản lý dự án vốn đầu tư công của Ban Quản lý dự án ĐTXDCN)	3.841	3.841	
I	Chi đào tạo khác trong nước (Loại 070 - 083)	3.841	3.841	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.841	3.841	

Đơn vị: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Chương:

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 4414

-QĐ/HVCTQGHCN ngày 24/7/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Phụ lục số 02
Mẫu biểu số 76
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 26/2026/TT-BTC)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị											Ban Quản lý dự án ĐTXDC N	Đề án 587	Đề án 979	Đề án Nhân Quyền	Đề án 621	Chương trình KX01.02	
		Văn phòng Học viện	Học viện Chính trị khu vực I	Học viện Chính trị khu vực II	Học viện Chính trị khu vực III	Học viện Chính trị khu vực IV	Học viện Bảo chi và Tuyên truyền	Học viện Hành chính và Quản trị công	phần hiệu Hà Nội	Phần Hiệu TP. Hồ Chí Minh	Phần Hiệu Đà Nẵng	Phần Phân hiệu Đắk Lắk							Hội đồng Lý luận Trung Ương
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí																		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	580.603	171.058	130.633	129.367	55.448	140.621	230.009	178.917	29.833	16.550	4.709	128.387	9.320	6.370	16.862	15.907	14.212	40.207
I	Nguồn Ngân sách trong nước	576.491	171.058	130.633	129.367	55.448	140.621	230.009	178.917	29.833	16.550	4.709	128.387	9.320	6.370	16.862	15.907	14.212	40.207
1	Chi đạo tạo Đại Học (Loại 070 -081)	-	-	-	-	-	129.196	196.019	156.414	23.105	14.845	1.655	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tư chủ						85.162	64.456	49.292	8.921	5.022	1.221							
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tư chủ						44.034	131.562	107.122	14.184	9.823	434							
2	Chi đạo tạo Sau đại học (Loại 070-082)							11.364	3.377	4.728	705	2.554							
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tư chủ							11.364	3.377	4.728	705	2.554							
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tư chủ							0											
3	Chi đạo tạo khác trong nước (Loại 070 - 083)	424.264	166.712	127.730	126.034	53.391	0	10.500	7.000	2.000	1.000	500	5.499	8.870	2.736	16.862	15.907	1.605	0
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tư chủ	283.605	96.964	80.291	71.285	38.357		10.500	7.000	2.000	1.000	500	5.499	3.333	1.872				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tư chủ	140.659	69.748	47.439	54.749	15.034		0					29	5.537	864	16.862	15.907	1.605	0
4	Chi đạo tạo lại cán bộ (Loại 070-085)	11.017	468	500	487	497	500	0	0	0	0	0	29	0	0	0	0	0	0
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tư chủ							0	0	0	0	0							
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tư chủ	11.017	468	500	487	497	500	0	0	0	0	0	29						
5	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Loại 100-102, 100-103)	114.380	2.079	2.103	2.847	1.561	2.810	1.400	1.400				90.125	0	0	0	0	0	40.207
5.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ							0											
5.2	Kinh phí thường xuyên giao tư chủ							1.261	1.261										
5.3	Kinh phí thường xuyên không giao tư chủ	114.380	2.079	2.103	2.847	1.561	2.810	139	139				90.125						40.207
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250-278)	6.299						0											
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tư chủ							0											
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tư chủ	6.299						0											
7	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280-338)	2.237	-	300	-	-	350	0	0				-	-	-	-	-	-	-
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tư chủ							0											
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tư chủ	2.237		300			350	0											
8	Chi hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam (Loại 340-351)	-	-	-	-			0					32.734						

Số TT		Nội dung	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị																Đề án Nhân Quyền	Đề án 621	Chương trình KX01.02
			Văn phòng Học viện	Học viện Chính trị khu vực I	Học viện Chính trị khu vực II	Học viện Chính trị khu vực III	Học viện Chính trị khu vực IV	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Học viện Hành chính và Quản trị công	Trong đó				Hội đồng Lý luận Trung Ương	Nhà xuất bản LLCT	Ban Quản lý dự án ĐTXDC N	Đề án 587	Đề án 979			
										phân hiệu Hà Nội	Phân Hiệu TP. Hồ Chí Minh	Phân Hiệu Đà Nẵng	Phân hiệu ĐakLai								
8.1		Kinh phí thường xuyên giao tư chủ								0					20.470						
8.2		Kinh phí thường xuyên không giao tư chủ								0					12.264						
9		Chi viện trợ (Loại 400-402)	18.295	1.799	-	-	-	7.765	10.726	10.726					-	-	3.635	-	14.212	-	-
9.1		Kinh phí thường xuyên giao tư chủ							0												
9.2		Kinh phí thường xuyên không giao tư chủ	18.295	1.799				7.765	10.726								3.635		14.212		
10		Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin đối ngoại (Loại 160-171)	-	-	-											450					
10.1		Kinh phí thường xuyên giao tư chủ																			
10.2		Kinh phí thường xuyên không giao tư chủ														450					
II		Nguồn Vốn viện trợ	4.112																		
1		Chi đào tạo khác trong nước (Loại 070 - 083)	4.112																		
		Phí Dự án: Tăng cường nghiên cứu và giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam và ký thỏa thuận với Ủy ban Quyền con người Ô-xtrây-li-a	4.112																		
III		Nguồn vay nợ nước ngoài																			
C		Nguồn kinh phí hoạt động sự nghiệp (Nguồn chi quản lý dự án vốn đầu tư công của Ban Quản lý dự án ĐTXDCN)															3.841				
		Chi đào tạo khác trong nước (Loại 070 - 083)															3.841				
		Kinh phí thường xuyên giao tư chủ																			
		Kinh phí thường xuyên không giao tư chủ															3.841				

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

CÔNG KHAI XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH 2025
CHO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ THÔNG MINH TẠI HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 4444-QĐ/HVCTQGHCN ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

STT	Nội dung	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết niên độ năm trước năm quyết toán				Giải ngân vốn kế hoạch các năm trước chuyển sang năm 2025				Giải ngân vốn kế hoạch năm 2025				Số vốn tiếp điều chỉnh giảm báo cáo tra NSNN trong năm quyết toán và kết luận của thanh tra, KTSN... (không bao gồm số vốn)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng báo cáo quyết toán trong năm 2025	Lý do vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm 2025 chuyển sang năm 2026	Tổng số vốn kế hoạch tiếp tục được lập để thanh toán khối lượng báo cáo quyết toán trong năm 2026	Tổng số vốn kế hoạch tiếp tục được lập để thanh toán khối lượng báo cáo quyết toán trong năm 2026			
		Tổng số	Trong đó			Kế hoạch các năm trước được chuyển sang năm 2025	Tổng số	Thanh toán khối lượng báo cáo quyết toán trong năm 2025	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được lập để thanh toán khối lượng báo cáo quyết toán trong năm 2026	Số vốn còn lại chưa giải ngân hết	Kế hoạch năm 2025	Tổng số						Thanh toán khối lượng báo cáo quyết toán trong năm 2025	Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch tiếp tục được lập để thanh toán khối lượng báo cáo quyết toán trong năm 2026
			Số vốn tạm ứng nộp điều chỉnh giảm trong năm 2025	Số vốn tạm ứng	Thanh toán khối lượng báo cáo quyết toán trong năm 2025																
1	2	3	4	5	6	7= 8+9	8	9	10	11=6,7,10	12	13=14+15	14	15	16	17=12,13,16	18	19=5+8+14	20=(3+4,5)+9+15	21=10+16	22=11+17
	TỔNG SỐ	1.850.031.196	117.656.679	1.732.374.517		-	-	-	-	-	47.236.000.000	47.205.039.864	47.205.039.864	-	-	30.960.136	-	48.937.414.381	-	-	30.960.136
	Vốn trong nước	1.850.031.196	117.656.679	1.732.374.517		-	-	-	-	-	47.236.000.000	47.205.039.864	47.205.039.864	-	-	30.960.136	-	48.937.414.381	-	-	30.960.136
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																				
1	Vốn cấp qua Khoa học Nhà nước (bao gồm cả vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao, không bao gồm Chương trình mục tiêu Quốc gia):	1.850.031.196	117.656.679	1.732.374.517		-	-	-	-	-	47.236.000.000	47.205.039.864	47.205.039.864	-	-	30.960.136	-	48.937.414.381	-	-	30.960.136
1	Ngành Công nghệ thông tin (070-083)	1.850.031.196	117.656.679	1.732.374.517		-	-	-	-	-	47.236.000.000	47.205.039.864	47.205.039.864	-	-	30.960.136	-	48.937.414.381	-	-	30.960.136
	Vốn trong nước	1.850.031.196	117.656.679	1.732.374.517		-	-	-	-	-	47.236.000.000	47.205.039.864	47.205.039.864	-	-	30.960.136	-	48.937.414.381	-	-	30.960.136
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				
1.1	Dự án Xây dựng mô hình quản trị thông minh tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	1.850.031.196	117.656.679	1.732.374.517		-	-	-	-	-	47.236.000.000	47.205.039.864	47.205.039.864	-	-	30.960.136	-	48.937.414.381	-	-	30.960.136
	Vốn trong nước	1.850.031.196	117.656.679	1.732.374.517		-	-	-	-	-	47.236.000.000	47.205.039.864	47.205.039.864	-	-	30.960.136	-	48.937.414.381	-	-	30.960.136
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				

13/08/2026 12:58:43